

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-PT

Ngày: 28-7-2025

V/v Xác định quyền sở hữu, quyền
sử dụng tài sản của người phải thi
hành án, chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLPT-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2025, về việc Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án, chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ong Thế Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông Vy Văn Q, sinh năm 1960; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970; có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông Nguyễn

Đình L, sinh năm 1949; địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 11, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn), (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2024); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 15, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1953; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1980; có mặt.

4. Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 2005; vắng mặt.

5. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1980; vắng mặt.

6. Cháu Nguyễn Đình D, sinh năm 2009; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Đình T, có mặt và chị Đỗ Thị N, vắng mặt.

7. Chị Vy Thu H, sinh năm 2001; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982; vắng mặt.

9. Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1970; vắng mặt.

10. Anh Vy Nhất L, sinh năm 2004; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn);

11. Cháu Đào Nhật N, sinh năm 2012; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vy Văn H; địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn). Hiện đang chấp hành án tại Đội 01, phân trại số 04, Trại giam N, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh); vắng mặt.

12. Ông Vy Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn). Hiện đang chấp hành án tại Đội 01, phân trại số 04, Trại giam N, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh); vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), sinh năm 1950; địa chỉ: B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là B, xã L, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

14. Bà Ma Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

15. Bà Ma Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là khu P, xã L, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

16. Ông Ma Xuân L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là thôn N, xã P 1, tỉnh Phú Yên); vắng mặt.

17. Bà Ma Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu 8+10, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

18. Ông Ma Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

19. Ông Ma Văn P, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

20. Bà Ma Thị Đ1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn P, phường K, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

21. Ông Ma Thế H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

22. Bà Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường L1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

23. Ông Vi Quốc B, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P 1, tỉnh Phú Yên) (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vi Quốc B:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955; vắng mặt.

- Chị Vi Thị Long Đ, sinh năm 1985; vắng mặt.

- Anh Vi Quốc H, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P 1, tỉnh Phú Yên).

- Anh Vi Hồng S, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 1A/5, đường N, phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Phú Yên); vắng mặt.

- Chị Vi Thị Hồng H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P 1, tỉnh Phú Yên); vắng mặt.

- Chị Vi Thái B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã V, tỉnh Phú Yên); vắng mặt.

- Chị Vi Thị Loan A, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Phú Yên); vắng mặt.

24. Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1986; vắng mặt.

- Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1993; vắng mặt.

- Bà Hoàng Hồng T, sinh năm 1983; có mặt.

- Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1981; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; vắng mặt.
- Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 54A, Nguyễn Chí T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường L, thành phố Hà Nội), (theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2024).

25. Ông Lương Mạnh T, sinh năm 1941; địa chỉ: Đường N, khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

26. Anh Lương Văn C, sinh năm 1979; vắng mặt.

27. Chị Nông Thị Bích T, sinh năm 1982; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ngõ 89, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn).

Người kháng cáo: Ông Vy Văn Q, là bị đơn; ông Nguyễn Đình L, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; ông Vy Văn H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Ong Thế Đ trình bày:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 04/TB-TA ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) đã quyết định, buộc ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L phải trả cho ông và bà Nguyễn Thị L số tiền là 2.100.011.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu không trăm mười một nghìn đồng). Khi án có hiệu lực pháp luật, ông đã làm đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 Lạng Sơn) thi hành án bản án và thông báo nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L tiến hành xác minh và xác định được ông Vy Văn Q được quyền sử dụng một phần trong khối tài sản là nhà đất có tổng diện tích là 750,8m², thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29-12-2006 mang tên cụ Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của ông Vy Văn Q), nay cụ Nguyễn Thị M đã chết, phần tài sản trên là di sản thừa kế và là tài sản chung của 04 anh em của ông Vy Văn Q gồm: Ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn H1 (đã chết) và ông Vy Văn Q. Ngày 05-02-2020, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thông báo cho ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị

Tuyết M), ông Vy Văn Q, ông Vy Văn H là con đẻ của ông Vy Văn H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung để xác định phần sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất ở của mình nhưng những người trên không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nay ông Ong Thế Đ yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L trong khối tài sản chung là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M (mẹ ông Vy Văn Q chết để lại) gồm: Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản gắn liền với đất để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 04/TB-TA ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn).

Bị đơn ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L trình bày:

Theo Bản án số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) tuyên vợ chồng ông, bà phải trả cho ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 2.103.275.000 (hai tỷ một trăm linh ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), sau đó có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 04/TB-TA ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng ông, bà phải trả cho ông Ong Thế Đ và bà Nguyễn Thị L số tiền là 2.100.011.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu không trăm mười một nghìn đồng). Thực tế ông, bà có vay số tiền của ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L là 1.500.000.000 đồng (tiền gốc) cho mẹ của ông Vy Văn Q là cụ Nguyễn Thị M, vì vậy khi Tòa án giải quyết, xác định phần tài sản của người phải thi hành án để thi hành án, thì phải trừ khoản tiền ông, bà đã vay hộ cụ Nguyễn Thị M.

Mẹ đẻ của ông Vy Văn Q là cụ Nguyễn Thị M có chồng thứ nhất là cụ Nguyễn Đình P (đã chết). Cụ Nguyễn Thị M và cụ Nguyễn Đình P có 02 con chung là ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M). Sau khi cụ Nguyễn Đình P chết, cụ Nguyễn Thị M kết hôn với cụ Hoàng Văn Đ (đã chết). Cụ Nguyễn Thị M và cụ Hoàng Văn Đ có 02 con chung là Vy Văn Q và Vy Văn H1. Năm 1967, cụ Nguyễn Thị M kết hôn với cụ Vy Văn Y (chết năm 1999), cụ Nguyễn Thị M và cụ Vy Văn Y không có con chung.

Nguồn gốc, diện tích thửa đất ông Ong Thế Đ yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là thửa đất số 93, tờ bản đồ 24, địa chỉ khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) là do cụ Vy Văn Y được Hợp tác xã T cho sử dụng để xây dựng nhà ở. Cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M đã xây dựng 01 căn nhà 02 tầng trên đất, hiện nhà này do ông và bà Hoàng Thị L đang quản lý, sử dụng. Cụ Vy Văn Y chết di chúc lại tài sản cho cụ Nguyễn Thị M. Năm 2006, cụ Nguyễn Thị M làm thủ tục kê khai và được cấp GCNQSDĐ.

Năm 2009, cụ Nguyễn Thị M chết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị M gồm: Ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M

(Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H1. Ông Vy Văn H1 đã chết, ông Vy Văn H1 có 03 người con là Vy Văn H, Vy Văn H2 (đã chết trước ông Vy Văn H1), Vy Văn H3 (đã chết năm 2012, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, con là Vy Thu H). Ngoài ra, cụ Vy Văn Y có 02 người con riêng là ông Vi Quốc B và bà Vi Thị Y (đã chết). Những người con của bà Vi Thị Y gồm bà Ma Thị Đ, bà Ma Thị L, ông Ma Xuân L, Ma Thị T, Ma Văn T, Ma Thị Đ1, Ma Văn P, Ma Thế H. Ông Vi Quốc B và bà Vi Thị Y không sống chung và không có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng với cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M. Bố, mẹ đẻ của cụ Nguyễn Thị M và cụ Vy Văn Y đều đã chết; cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M không có bố, mẹ nuôi và con nuôi.

Theo di nguyện của cụ Nguyễn Thị M thể hiện ở bản di chúc ngày 19-6-2009 (di chúc chưa có người nào ký và chưa được công chứng, chứng thực) thì ông Vy Văn Q sẽ thay cụ Nguyễn Thị M trả nợ cho ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 1.500.000.000 đồng nợ gốc.

Theo ông, bà, Bản án số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn khi giải quyết đã không đưa cụ Nguyễn Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do ông, bà vay tiền hộ cụ Nguyễn Thị M nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà. Nay đối với yêu cầu của ông Ong Thế Đ, ông đề nghị đối trừ nghĩa vụ của cụ Nguyễn Thị M là 1.500.000.000 đồng, di sản còn lại thì mới chia thành 05 phần cho 4 người con gồm: Nguyễn Đình L, Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), Vy Văn Q, Vy Văn H1 và 01 phần dùng để thờ cúng. Trong đó, phần dùng để thờ cúng chia cho ông Vy Văn Q do khi còn sống, cụ Nguyễn Thị M đã giao cho ông Vy Văn Q thờ cúng và chăm sóc mồ mả; đồng thời, ông yêu cầu được chia phần đất có căn nhà 02 tầng vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng và cũng là nơi thờ cúng cụ Nguyễn Thị M và cụ Vy Văn Y. Đối với phần di sản thừa kế mà ông Vy Văn H1 đã chết được hưởng sẽ chia cho những người thừa kế của ông Vy Văn H1 gồm: 03 người con là Vy Văn H, Vy Văn H2 (đã chết, không có vợ con), Vy Văn H3 (đã chết, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, con là Vy Thu H).

Ngoài khoản vay ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L 1.500.000.000 đồng nêu trên, cụ Nguyễn Thị M không còn khoản nợ hay nghĩa vụ tài chính nào khác. Ông, bà không yêu cầu giải quyết về chi phí mai táng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Đình L và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Về các hàng thừa kế và di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại, ông nhất trí với lời trình bày của các bị đơn. Năm 2019, cụ Nguyễn Thị M chết, không để lại di chúc. Tại đơn yêu cầu độc lập, ông yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại là thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn), diện tích 750,8m² và ngôi nhà nhà 02 tầng 01 tum, hiện ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L đang ở; đối với 01 cây ngọc lan trồng trên đất (đã

chết) nên không yêu cầu chia. Di sản trên được chia thành 04 phần cho các con gồm: Nguyễn Đình L, Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), Vy Văn Q, và các con của ông Vy Văn H1 (đã chết), người nào đang sử dụng phần nào thì tiếp tục sử dụng phần đó và có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch nếu giá trị tài sản người đó sử dụng lớn hơn phần các đồng thừa kế khác được hưởng; đồng thời đảm bảo lối đi riêng cho gia đình ông Nguyễn Đình L và những người thừa kế thế vị của ông Vy Văn H1, kích thước chiều rộng lối đi cho mỗi nhà từ 2,5 mét – 03 mét.

Khi cụ Nguyễn Thị M chết không để lại nghĩa vụ tài chính phải thực hiện. Không yêu cầu giải quyết về chi phí mai táng cụ Nguyễn Thị M. Việc thờ cúng cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M, các con đều thờ cúng riêng.

Sau khi được tiếp cận kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Đình L đề nghị Tòa án sử dụng kết quả đo đạc do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S đo vẽ để làm căn cứ giải quyết vụ án, cụ thể, ông yêu cầu chia thửa 93 theo hiện trạng với diện tích là 735,1m². Đối với những phần diện tích đất khác thuộc thửa 93 mà gia đình không sử dụng đến, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà nhất trí với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn ông Ong Thế Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), bà Nguyễn Thị Thanh T, chị Vy Thu H trình bày:

Không đồng ý với ý kiến của ông Vy Văn Q về việc đối trừ khoản tiền vay ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) trước khi chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M để lại do khoản vay trên là khoản vay riêng của ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L, không phải do cụ Nguyễn Thị M vay. Những người này cũng không đồng ý với yêu cầu của ông Vy Văn Q về việc chia di sản thừa kế thành 05 phần, trong đó có 01 phần di sản dùng để thờ cúng do các con của cụ Nguyễn Thị M đều tự thực hiện việc thờ cúng tại nhà riêng; nhất trí với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình L về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật do cụ Nguyễn Thị M để lại thành 04 phần cho các con của cụ Nguyễn Thị M do cụ Nguyễn Thị M chết không để lại di chúc, cụ Nguyễn Thị M không để lại nghĩa vụ tài chính nào phải thực hiện, không yêu cầu giải quyết về chi phí mai táng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Đào Nhật N là ông Vy Văn H trình bày:

Cháu Đào Nhật N là con của ông Vy Văn H và bà Đào Thị Hương Q. Bà Đào Thị Hương Q bỏ đi từ năm 2013, hiện không rõ thông tin của bà Đào Thị Hương Q. Từ khi bà Đào Thị Hương Q bỏ đi, cháu Đào Nhật N sinh sống tại số 32 (số cũ là 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cháu Đào Nhật N còn nhỏ, không có đóng góp hay liên quan gì đến thửa đất số 93 và các tài sản trên đất.

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Vy Văn H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ong Thế Đ. Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình L ban đầu ông Vy Văn H nhất trí. Sau đó ông Vy Văn H thay đổi ý kiến, không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình L, không nhất trí chia di sản thừa kế ở giai đoạn này mà đề ông chấp hành án xong sẽ tiến hành việc phân chia di sản của cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M theo quy định. Ông Vy Văn H cho rằng, thửa đất số 93 là di sản của cụ Vy Văn Y, không phải là di sản của cụ Nguyễn Thị M; thửa đất số 288 là một phần của thửa 93 cũng thuộc di sản của cụ Vy Văn Y, việc cụ Nguyễn Thị M chia cho ông Vy Văn Q là không hợp pháp, hợp lệ. Đối với các phần diện tích đất theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S thuộc thửa 93 hiện bị Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam và gia đình ông Lương Mạnh T đang sử dụng, ông Vy Văn H yêu cầu những người trên trả lại các phần diện tích đất đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Quốc B và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vi Quốc B trình bày:

Ông Vi Quốc B là con đẻ của cụ Vy Văn Y, còn cụ Nguyễn Thị M là mẹ kế của ông. Bản thân ông Vi Quốc B không có đóng góp gì đối với tài sản là thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) cùng toàn bộ tài sản trên đất. Ông Vi Quốc B không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 03-9-2024 ông Vi Quốc B chết, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vi Quốc B trình bày: Ông Vi Quốc B đã chết tại nhà riêng vào ngày 03-9-2024 do bệnh. Ông Vi Quốc B không có cha, mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào. Ông Vi Quốc B là con đẻ của cụ Vy Văn Y, do cách viết vùng miền khác nhau nên trong giấy tờ của ông Vi Quốc B họ là họ Vi. Khi còn sống ông Vi Quốc B đã biết việc Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đang giải quyết vụ án, đã có bản khai, những người trên nhất trí với ý kiến của ông Vi Quốc B và không ai có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị L, bà Ma Thị T, ông Ma Văn T, ông Ma Văn P trình bày: Các ông, bà là con đẻ của bà Vi Thị Y (chết năm 2022). Bà Vi Thị Y là con ruột của cụ Vy Văn Y (chết năm 1999) và cụ Hoàng Thị Đ (chết năm 2000). Bà Vi Thị Y không có bố mẹ nuôi, con nuôi, không có người con đẻ nào khác ngoài các ông, bà. Bản thân các ông bà, cụ Hoàng Thị Đ, bà Vi Thị Y không có đóng góp gì đối với tài sản là thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) cùng toàn bộ tài sản trên đất. Các ông, bà đều xác định không có yêu cầu gì đối với tài sản trên và đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt các ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu H trình bày: Bà là em ruột của bà Đỗ Thị N1 (chết năm 2019) và là em vợ của ông Vy Văn H1 (chết năm 2006). Năm 2019, bà được bà Đỗ Thị N1 giao quản lý, sử dụng ngôi

nhà 03 tầng 01 tum của vợ chồng bà Đỗ Thị N1 - ông Vy Văn H xây trên thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (địa chỉ số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Quá trình quản lý, sử dụng, bà có sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà trên thành nhà 04 tầng, mua sắm vật dụng trong nhà, tổng chi phí khoảng 2.000.000.000 đồng. Bà nhất trí với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình L và không yêu cầu giải quyết quyền lợi của bà đối với những đóng góp, sửa chữa, tôn tạo các tài sản trên thửa 93 trong vụ án này. Sau này, nếu phát sinh tranh chấp, bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Mỹ L trình bày: Bà kết hôn với ông Vy Văn H năm 2018 và chuyển về sống với gia đình ông Vy Văn H tại ngôi nhà 03 tầng 01 tum tại địa chỉ số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 2019, bà chuyển về sống với bố mẹ đẻ của bà cho đến nay. Quá trình chung sống với ông Vy Văn H, bà không có đóng góp gì vào việc sửa chữa, tôn tạo đất và nhà tại số 32 (số cũ là số 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị Đ, bà Ma Thị Đ1, ông Ma Thế H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không viết bản tự khai, không đến Toà án trình bày ý kiến, yêu cầu đối với việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Xuân L có đơn xin xét xử vắng mặt và không trình bày gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, cháu Nguyễn Đình D (do anh Nguyễn Đình T và chị Đỗ Thị N đại diện), anh Nguyễn Đình T, anh Nguyễn Đình D, chị Đỗ Thị N là những người sinh sống trên một phần thửa đất số 93 (họ là vợ, con trai, con dâu và cháu nội của ông Nguyễn Đình L). Những người này đều nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn ông Ong Thế Đ và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình L. Họ đều khẳng định họ chỉ sinh sống cùng nhà với ông Nguyễn Đình L, không đóng góp công sức hay liên quan gì đến quyền sử dụng đất thửa 93 và ngôi nhà 02 tầng do cụ Nguyễn Thị M xây khi còn sống. Những người trên cũng không ai có bất kỳ yêu cầu độc lập nào trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vy Nhất L trình bày: Anh là con đẻ của ông Vy Văn H và bà Vũ Tuyết N. Khoảng năm 2011 ông Vy Văn H và bà Vũ Tuyết N ly hôn, theo Quyết định của Tòa án, bà Vũ Tuyết N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục anh Vy Nhất L, vì vậy anh Vy Nhất L sống cùng bà Vũ Tuyết N từ khi đó. Tuy nhiên anh vẫn thường xuyên qua lại nhà ông Vy Văn H ở địa chỉ số 32 (số cũ là 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Anh khẳng định anh không có bất kỳ đóng góp gì trong việc xây dựng, tôn tạo, sửa chữa đối với quyền sử dụng đất và

toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Mạnh T trình bày: Ông có thửa đất số 90, tiếp giáp với thửa đất số 93 của cụ Nguyễn Thị M. Đối với diện tích đất 2,6m² theo kết quả đo đạc của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S là thuộc thửa 93 nhưng gia đình ông đang sử dụng, ông khẳng định phần đất đó ông sử dụng thửa đất từ trước đến nay không xảy ra tranh chấp nhưng ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn C, chị Nông Thị Bích T trình bày: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Lương Mạnh T trao quyền sử dụng cho anh, chị. Anh, chị đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất đó từ năm 2010, không xảy ra tranh chấp. Anh, chị nhất trí với ý kiến của ông Lương Mạnh T và không có yêu cầu độc lập nào trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ong Thế Đ và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L, công ty không có ý kiến gì. Công ty xác định bức tường tiếp giáp phần còn lại của thửa 93 (diện tích 3,9m²) do Công ty xây dựng từ năm 2011, ngay sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L (đến nay đã được 13 năm). Từ thời điểm xây tường đến nay không có tranh chấp, khiếu nại hay biên bản giải quyết sự việc chồng lấn nào với chủ sử dụng đất của thửa 93. Bức tường được xem là tài sản gắn liền với đất của thửa 288 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty. Đối với phần diện tích đất còn lại của thửa 93, tiếp giáp phía Nam của thửa 288, diện tích 2,8m² (vị trí đỉnh thửa B3,B4,B5 theo Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty S đo vẽ). Thực tế đây là phần tiếp giáp giữa thửa 288 với thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Dũng (địa chỉ: Số 38 L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Phần tiếp giáp này ông Nguyễn Văn D xác nhận mốc giới giữa hai thửa đất đã rõ ràng và xác nhận không có tranh chấp gì với Công ty. Công ty xác định: Bức tường nêu trên, công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với đất vẫn nằm trong GCNQSDĐ của Công ty và thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty, đến nay không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào nên Công ty không yêu cầu đo đạc, thẩm định lại và không có bất kỳ yêu cầu độc lập nào (không thực hiện thủ tục độc lập) trong vụ án này.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc T trình bày: Thời điểm năm 2009, ông là cán bộ Tư pháp phường V đã thực hiện soạn thảo di chúc cho cụ Nguyễn Thị M và đến nhà cụ Nguyễn Thị M để chứng thực di chúc nhưng do khi đó các con, cháu của cụ Nguyễn Thị M cãi nhau nên không thể thực hiện được việc chứng thực di chúc. Sau đó, ông chuyển công tác nên không rõ sự việc tiếp theo ra sao. Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P trình bày: Thời điểm năm 2009, ông là khối trưởng khối 11, phường V được ông Vy Văn Q mời đến nhà cụ Nguyễn Thị M nghe đọc di chúc của cụ Nguyễn Thị M và được cụ Nguyễn Thị M xác nhận đúng ý kiến của cụ Nguyễn Thị M nhưng sau đó, ông không được ký vào di chúc và cũng không thấy cụ Nguyễn Thị M ký vào di chúc. Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 24, diện tích tranh chấp 735,1m² tại số 32 (số cũ là 22) đường L, khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); có phía Đông giáp đường L; phía Tây giáp đất ông Lương Mạnh T; phía Nam đất của Công ty TNHH QL nợ và KTTS Ngân hàng TMCP H Việt Nam; phía Bắc giáp đất của bà Đoàn Bạch N, đất của ông Vũ Tiến P, đất của ông Nguyễn Các Đ - bà Trình Thị H; loại đất ở có 02 vị trí, trong đó: Vị trí 1 có giá trị là 371,1m² x 35.000.000đ/m² = 12.988.500.000 đồng; vị trí 2 có giá trị là 364m² x 21.000.000đ/m² = 7.644.000.000đồng. Tổng giá trị đất là 20.632.500.000 đồng.

Phần diện tích đất không sử dụng tổng là 12,6m², thuộc thửa 93, bao gồm: 1,3m², vị trí đỉnh thửa A2,B2,B18 giáp đường L, hiện trạng để trống; 3,9m², vị trí đỉnh thửa B16,B17,B19,B20 tiếp giáp với phía Bắc của thửa đất số 288 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam, hiện trạng có bức tường do Công ty xây khoảng năm 2011; 2,8m², vị trí đỉnh thửa B3,B4,B5 giáp với phía Nam của thửa 288 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam, hiện trạng để trống; 0,9m², vị trí đỉnh thửa B6,B7,B8 và 2,6m², vị trí đỉnh thửa B8,B9,B14, tiếp giáp đất của gia đình ông Lương Mạnh T, đoạn B8,B9,B14 hiện trạng có tường gạch do ông Lương Mạnh T xây, đoạn B6,B7,B8 hiện trạng để trống; 1,1m², vị trí đỉnh thửa B10,B11,B13, giáp đất trống của ông Nguyễn Các Đ - bà Trình Thị H.

Trên thửa 93 có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 (nhà bếp của ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng và đang sử dụng) có giá 3.287.000 đồng/m², giá trị còn lại 20%; 01 nhà 02 tầng + 01 tum do cụ Nguyễn Thị M và cụ Vy Văn Y xây (hiện ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L đang sử dụng), có giá 5.589.000 đồng/m², giá trị còn lại 25%; 04 nhà 01 tầng do ông Nguyễn Đình L xây dựng và đang sử dụng, trong đó: 01 nhà chính có giá 4.160.000 đồng/m² và 03 nhà ở, nhà bếp và nhà vệ sinh còn lại có giá 3.287.000 đồng/m², đều có giá trị còn lại là 20%; 01 nhà 04 tầng (nhà nghỉ T) do ông Vy Văn H1 xây (hiện bà Đỗ Thị Thu H đang sử dụng), có giá 5.589.000 đồng/m², giá trị còn lại 25%; 01 cổng đi lại bằng sắt (gồm 02 cánh kích thước 1,85m x 3,97m và 02 trụ cổng, kích thước 0,5m x 2,8m) có giá 1.551.000 đồng/m² và giá trị còn lại 60%; 02 phần lợp mái tôn (diện tích 17,4m² và 35,6m²) có giá 220.000 đồng/m² và giá trị còn lại 20%; 01 bể nước ngầm do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây (đã hết khấu hao); trụ cổng, hàng rào do ông Vy Văn H1 xây (đã hết khấu hao); 01 cây ngọc lan (đã chết), 01 cây mắc mật có giá trị 1.152.000 đồng, 01 cây trắc bách diệp có giá trị 1.800.000 đồng. Trong đó,

các đương sự thống nhất thừa nhận, ngôi nhà 02 tầng + 01 tum (bao gồm cả phần cầu thang, mái tôn), diện tích $90,8m^2$, giá trị $90,8m^2 \times 5.589.000đ/m^2 \times 25\% = 126.870.000$ đồng (làm tròn), là di sản của cụ Nguyễn Thị M, do cụ Nguyễn Thị M xây dựng khi còn sống. Các tài sản trên đất còn lại, đều không phải di sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn), đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ong Thế Đ về việc "Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án" và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L về việc chia di sản thừa kế, cụ thể:

I. Chia di sản thừa kế

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M gồm $735,1m^2$ đất thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (cả cầu thang, mái tôn), diện tích $90,8m^2$ (hiện vợ chồng ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L đang quản lý, sử dụng), địa chỉ nhà, đất tại số 32 (số cũ 22), đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích đất nêu trên có đỉnh thửa như sau: A1, A2, M1, P1, P2, B18, B20, P4, N2, B16, B17, B6, B8, P9, B14, B9, B10, B13, B11, B12, B15, N1, P8, A4.

- Vị trí tiếp giáp:

Phía Đông giáp đường L.

Phía Tây giáp đất của ông Lương Mạnh T (thửa 90, tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

Phía Nam giáp đất của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam (thửa 288, tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

Phía Bắc giáp đất bà Đoàn Bạch N (thửa 154), đất của ông Vũ Tiến P (thửa 91), đất của ông Nguyễn Các Đ - bà Trình Thị H (thửa 186, đều thuộc tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

Tổng giá trị di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại là 20.759.370.000 (hai mươi tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 20.632.500.000 (hai mươi tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, giá trị ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (có cầu thang, mái tôn) là 126.870.000 (một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng.

2. Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị M gồm: Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H (là người thừa kế thế vị của ông Vy Văn H1), ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q.

3. Xác định giá trị kỷ phần thừa kế mỗi đồng thừa kế được hưởng là 5.189.842.500 (năm tỷ một trăm tám mươi chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

4. Phân chia di sản thừa kế và quyền sở hữu tài sản

4.1. Ông Vy Văn Q được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu 145,6m², (thửa tạm 93.1), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vị trí đỉnh thửa A1, A2, M1, M2, A3, A4 và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (kèm cầu thang, mái tôn) nằm trên thửa tạm 93.1.

Tổng giá trị di sản ông Vy Văn Q được hưởng là: 5.222.870.000 (năm tỷ hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng.

4.2. Ông Nguyễn Đình L được quyền quản lý, sử dụng 284,6m², thửa tạm 93.2, thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm 02 phần diện tích:

Phần diện tích 219,9m² đất ở (thửa tạm 93.2), vị trí đỉnh thửa P8, P7, N3, P9, B14, B9, B10, B13, B11, B12, B15, N1.

Phần diện tích lối vào nhà 64,7m², vị trí đỉnh thửa M1, P1, P5, P6, P7, P8, A4, A3, M2.

Tổng giá trị di sản ông Nguyễn Đình L được hưởng là: 6.993.000.000 (sáu tỷ chín trăm chín mươi ba triệu) đồng.

Ông Nguyễn Đình L được quyền sở hữu 01 cánh cổng bằng sắt, sắt đường L do ông Vy Văn Q lắp, bà Hoàng Thị L trị giá 3.415.000 (ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng (làm tròn).

4.3. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được quản lý, sử dụng 94,6m² đất (thửa tạm 93.4), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vị trí đỉnh thửa P2, B18, B20, P4, P3. Giá trị di sản bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng là 3.311.000.000 (ba tỷ ba trăm mười một triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị M được sở hữu phần lợp mái tôn có diện tích 35,6m² (vị trí sát đường L), trị giá 1.566.000 (một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng và mái tôn có diện tích 17,4m² (khu vực bể nước ngầm), trị giá 766.000 (bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; 01 bể nước ngầm, thể tích 21,5m³ (đã hết khấu hao). Các tài sản này do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng.

4.4. Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H đồng quản lý, sử dụng 210,3m², thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, gồm 02 phần diện tích:

- Diện tích 174,4m² đất ở, (thửa tạm 93.3), vị trí đỉnh thửa P7, P6, P5, P3, P4, N2, B16, B17, B6, B8, P9, N3.

- Diện tích lối vào nhà 35,9m², vị trí đỉnh thửa P1, P2, P3, P5.

Tổng giá trị di sản ông Vy Văn H và chị Vy Thu H được hưởng là: 5.232.500.000 (năm tỷ hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H được sở hữu 01 trụ công, trị giá 1.303.000 (một triệu ba trăm linh ba nghìn) đồng (làm tròn) và 01 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.415.000 (ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng (làm tròn), sát đường L, do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây, lắp.

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được phân chia theo quy định của pháp luật đất đai.

(Có phụ lục trích đo kèm theo)

5. Về việc thanh toán chênh lệch giá trị di sản và thanh toán giá trị tài sản trên đất

5.1. Ông Vy Văn Q phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 33.027.500 (ba mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm) đồng chênh lệch giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng.

5.2. Ông Nguyễn Đình L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 1.803.157.500 (một tỷ tám trăm linh ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng chênh lệch giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng và thanh toán cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L 3.415.000 (ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng giá trị 01 cánh cổng sắt (làm tròn).

5.3. Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 42.657.500 (bốn mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng chênh lệch giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng và thanh toán cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L 3.415.000 (ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng giá trị 01 cánh cổng sắt (làm tròn) và 1.303.000 (một triệu ba trăm linh ba nghìn) đồng giá trị trụ công (làm tròn).

5.4. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) phải thanh toán cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L 2.332.000 (hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng giá trị 02 phần mái tôn diện tích 35,6m² (sát đường L) và 17,4m² (khu vực bể nước ngầm).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

II. Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L để thi hành án

Ông Vy Văn Q có quyền sở hữu, sử dụng (được hưởng) tài sản là di sản do cụ Nguyễn Thị M để lại, được phân chia cụ thể tại mục 4.1 và mục 5.1 phần Quyết định của Bản án.

Ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L có quyền sở hữu 01 nhà bếp, sát đường L, diện tích 31,5m²; 2.332.000 (hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng giá trị 02 phần mái tôn mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) có nghĩa vụ thanh toán; 6.830.000 (sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng giá trị 02 cánh cổng sắt ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn H, chị Vy Thu H có nghĩa vụ thanh toán; 1.303.000 (một triệu ba trăm linh ba nghìn) đồng giá trị trụ cổng mà ông Vy Văn H, chị Vy Thu H có nghĩa vụ thanh toán tại mục 5.2, 5.3, 5.4 phần Quyết định của Bản án; 01 trụ cổng (cạnh điểm M1).

(Chi tiết tài sản ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L được sở hữu, sử dụng theo Phụ lục trích đo và tại các mục 4.1 và mục 5 phần Quyết định của Bản án).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định:

Ông Vy Văn Q kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23-01-2025 (phần nghĩa vụ tài chính của người chết để lại khi chia di sản thừa kế). Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết nghĩa vụ tài chính của cụ Nguyễn Thị M để lại sau khi cụ Nguyễn Thị M chết theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 04/TB-TA ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, phần tài sản còn lại mới dùng để phân chia cho các đồng thừa kế.

Ông Nguyễn Đình L kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23-01-2025, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Định giá lại giá trị đất, đặc biệt là giá trị đất vị trí 2 mà gia đình ông Nguyễn Đình L đang ở, do liên quan đến giá trị bù chênh lệch về tài sản quá cao; xác định lại tài sản cánh cổng là tài sản do bà Đỗ Thị Hương hay ông Vy Văn Q làm để xác định đúng người được nhận thanh toán giá trị tài sản trên đất (cánh cổng), ông Nguyễn Đình L không đồng ý thanh toán giá trị cánh cổng cho ông Vy Văn Q.

Ông Vy Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23-01-2025, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Làm rõ di sản thừa kế của cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M (năm 1995 cụ Vy Văn Y đã chia cho ông Vy Văn H 200m² đất để xây nhà ở, chia cho ông Vy Văn Q 200m²; năm 1999 cụ Vy Văn Y không để lại di chúc cho cụ Nguyễn Thị M; năm 2009 cụ Nguyễn Thị M chết không để lại di chúc; việc cụ Nguyễn Thị M cho ông Vy Văn Q 365m² đất trong tổng số đất là di sản của cụ Ý và Cụ Nguyễn Thị M, cả gia đình không ai biết, anh Vy Văn H không đồng ý); phân chia lại di sản thừa kế, ông Vy Văn H không nhất trí nhận phần đất trong ngõ, hẻm; bà Nguyễn Thị

M (Nguyễn Thị Tuyết M) đã được cụ Y và cụ M chia đất khi còn sống; không nhất trí việc Tòa án sơ thẩm xử vắng mặt ông Vy Văn H; giải quyết lại về án phí dân sự sơ thẩm (ông Vy Văn H không đồng ý việc Tòa án miễn án phí cho ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q và buộc ông Vy Văn H, chị Vy Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vy Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, rút yêu cầu giải quyết đối với 01 trụ cổng và 02 cánh cổng, mà để cùng nhau sử dụng; không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình L và ông Vy Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L nhất trí với việc ông Vy Văn Q rút yêu cầu giải quyết đối với 01 trụ cổng và 02 cánh cổng, rút kháng cáo đối với nội dung này, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với nội dung này. Ngoài ra bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trừ phần lỗi đi chung rồi mới chia thừa kế cho các kỷ phần.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M nhất trí với một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đình L về việc xem xét trừ phần lỗi đi chung rồi mới chia thừa kế cho các kỷ phần; không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Các đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho người khác hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Vy Văn Q yêu cầu xem xét nghĩa vụ tài chính của cụ Nguyễn Thị M để lại

Theo ông Vy Văn Q cho rằng khoản tiền vay đối với vợ chồng ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L năm 2009 (đã giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 10/DS-ST ngày 20/10/2011 của TAND thành phố Lạng Sơn) là do vợ chồng ông vay hộ cụ Nguyễn Thị M với số tiền 1.500.000.000 đồng, nay phải đối trừ số tiền này là nghĩa vụ của cụ Nguyễn Thị M, di sản còn lại mới chia. Xét thấy, Bản án sơ thẩm số 10 trên đã có hiệu lực thi hành, trong đó buộc ông Vy Văn Q Quang, bà Hoàng Thị L Lập phải trả cho ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L số tiền 2.103.275.000 đồng, không xác định nghĩa vụ tài chính đối với cụ Nguyễn Thị M. Khi ông Ong Thế Đ yêu cầu giải quyết việc dân sự năm 2020, vợ chồng ông Vy Văn Q đều thừa nhận khoản vay trên vợ chồng ông, bà chưa trả được, nay lại cho rằng vay hộ cụ Nguyễn Thị M là không có cơ sở, không có căn cứ xác định

số tiền trên là nghĩa vụ tài chính của cụ Nguyễn Thị M để lại nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vy Văn H:

Về quan hệ gia đình: Cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M chung sống với nhau từ năm 1967, hai người không có con chung. Cụ Nguyễn Thị M có 04 con riêng: ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H1 (đã chết 2006). Ông Vy Văn H1 có vợ là bà Đỗ Thị N1 (chết năm 2019), có 03 con: Vy Văn H, Vy Văn H2 (đã chết không có vợ con), Vy Văn H3 (đã chết) có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, có 01 con là chị Vy Thu H. Các con của cụ Nguyễn Thị M sống cùng cụ Nguyễn Thị M, cụ Vy Văn Y có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng. Cụ Ý có 02 người con riêng là ông Vi Quốc B và bà Vi Thị Y không sống chung cùng với cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M.

Xác định di sản thừa kế: Nguồn gốc thửa đất 93 do cụ Vy Văn Y được Hợp tác xã T cho sử dụng xây nhà. Diện tích đất ban đầu là 1243,8m², quá trình quản lý sử dụng đã chuyển nhượng 131,1m² cho bà Đoàn Bạch N; năm 1995 tặng cho ông Vy Văn Q 200m², năm 2006 cho tiếp 165m²; năm 2011 ông Vy Văn Q chuyển nhượng toàn bộ diện tích 365m² được gộp thành thửa 288 cho Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP H Việt Nam. Diện tích thực tế còn lại là 735,1m², trên đất có 01 nhà 2 tầng + 1 tum do hai cụ xây năm 1991. Năm 1996, cụ Vy Văn Y có di chúc để lại nhà đất cho cụ Nguyễn Thị M toàn quyền định đoạt. Năm 1999 cụ Vy Văn Y chết. Năm 2006 cụ Nguyễn Thị M kê khai được cấp GCNQSDĐ. Các đương sự thừa nhận nguồn gốc đất, nhà như nêu trên, do đó có căn cứ xác định là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M để lại, nay cụ Nguyễn Thị M chết không có di chúc nên di sản được chia theo pháp luật cho những người thừa kế được hưởng mỗi kỳ phần ngang nhau.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ các ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H1 khi còn sống, sinh sống trực tiếp trên khu đất, khi lập gia đình mỗi người xây dựng nhà công trình quản lý, sử dụng riêng. Phần đất phía trong có ngôi nhà 4 tầng (nhà nghỉ T) do gia đình ông Vy Văn H1 xây dựng sử dụng từ năm 1995, hiện do bà Đỗ Thu Hương quản lý và phần diện tích đất có nhà ở hiện gia đình ông Nguyễn Đình L đang sử dụng có vị trí nằm phía trong, 02 nhà sử dụng phần sân đất trống để đi từ đường L vào nên việc phân chia phần đất này cho ông Nguyễn Đình L và những người thừa kế thế vị là con, cháu của ông Vy Văn H1 là anh Vy Văn H và chị Vy Thị T được tiếp tục sử dụng là phù hợp với hiện trạng thực tế sử dụng, không ảnh hưởng đến công trình xây dựng nhà ở của mỗi gia đình.

Đối với bà Nguyễn Thị M là con cụ Nguyễn Thị M thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được chia kỳ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị M là có căn cứ. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì đương sự phải chịu án phí tương ứng giá trị tài sản được chia; ông Nguyễn Đình

L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326. Do đó, bản án sơ thẩm xác định và phân chia di sản, tuyên nghĩa vụ về án phí sơ thẩm của vụ án là có căn cứ. Đối với nội dung xét xử sơ thẩm vắng mặt anh Vy Văn H nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của anh Vy Văn H là người thừa kế thế vị được hưởng một phần di sản, do đó nội dung kháng cáo nêu trên của anh Vy Văn H là không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L đề nghị định giá lại giá trị đất tại vị trí 2; xác định lại tài sản cánh cổng do ai làm để xác định đúng người nhận giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Nguyễn Đình L rút một phần nội dung kháng cáo về xác định lại tài sản cánh cổng do ai làm để xác định đúng người nhận giá trị tài sản nên đình chỉ xét xử. Bổ sung nội dung kháng cáo xem xét trừ phần diện tích đất đường đi, phần diện tích đất còn lại mới chia thừa kế. Đối với nội dung kháng cáo không nhất trí với giá trị đất tại vị trí 2 nhận thấy, vị trí thửa đất thuận lợi giao thông, sát mặt đường L nên mức giá đất của Hội đồng định giá là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án đến khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đình L không có ý kiến khiếu nại về kết quả định giá, nay yêu cầu định giá lại nhưng không cung cấp được tài liệu làm căn cứ xem xét định giá lại, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Nguyễn Đình L.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và hiện trạng thực tế sử dụng đất thấy khoảng sân phần đất trống để đi từ đường L vào phía trong, 03 gia đình ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q, anh Vy Văn H và chị Vy Thị T sử dụng chung, nay chia diện tích đất cho các đồng thừa kế cần đảm bảo việc sử dụng đường đi chung thuận tiện trong quá trình sử dụng đất; đảm bảo tính công bằng cho các bên; đảm bảo lối đi cho người phía trong của gia đình ông Nguyễn Đình L, anh Vy Văn H và chị Vy Thu H. Do đó khi chia cần trừ một phần diện tích đất đường đi để các bên đều có quyền quản lý, sử dụng chung mà không tính vào từng phần diện tích mỗi bên được hưởng và tính đền bù chênh lệch theo quy định khoản 2, 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự, nên có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Nguyễn Đình L.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Vy Văn Q tự nguyện không yêu cầu thanh toán giá trị cánh cổng sắt và trụ cổng trên phần diện tích đất đường đi chung nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn Q, ông Vy Văn H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đình L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí phúc thẩm: ông Vy Văn Q được miễn án phí, ông Nguyễn Đình L không phải chịu án phí, anh Vy Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của ông Vy Văn Q kháng cáo một phần Bản án, đề nghị xem xét giải quyết nghĩa vụ tài chính của cụ Nguyễn Thị M để lại sau khi cụ Nguyễn Thị M chết theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 04/TB-TA ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, phần tài sản còn lại mới dùng để phân chia cho các đồng thừa kế, nhận thấy: Ông Vy Văn Q cho rằng khoản nợ được giải quyết tại Bản án nêu trên (khoản vay đối với ông Ong Thế Đ và bà Nguyễn Thị L) thực chất là khoản nợ của cụ Nguyễn Thị M, vợ chồng ông đứng ra vay hộ, do đó cụ Nguyễn Thị M mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Ong Thế Đ. Ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L đề nghị sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị M để thanh toán nghĩa vụ tài chính với vợ chồng ông Ong Thế Đ, phần còn lại mới đem chia cho những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, tại Bản án số 10/2011/DS-ST ngày 20-10-2011, vợ chồng ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L đã thừa nhận khoản vay đối với ông Ong Thế Đ, bà Nguyễn Thị L là khoản vay của vợ chồng ông, bà; không liên quan gì đến cụ Nguyễn Thị M. Ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L cũng không kháng cáo bản án trên, bản án đã có hiệu lực pháp luật, các bên đều phải có nghĩa vụ thi hành. Do đó xác định cụ Nguyễn Thị M không có nghĩa vụ tài chính gì đối với ông Ong Thế Đ và bà Nguyễn Thị L. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn Q.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại giá trị đất, đặc biệt là giá trị đất vị trí 2 mà gia đình ông Nguyễn Đình L đang ở, do liên quan đến giá trị bù chênh lệch về tài sản quá cao, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25-7-2024, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến khi xét xử ngày 16-01-2025, ông Nguyễn Đình L không có đơn khiếu nại về kết quả định giá, không nộp đơn yêu cầu định giá lại, ngoài ra ông Nguyễn Đình L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh giá thị trường do Hội đồng định giá đưa ra là không phù hợp, do đó không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[4] Đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đình L về việc đề nghị xác định lại tài sản (cánh cổng) là tài sản do bà Đỗ Thị Thu H hay ông Vy Văn Q làm để xác định đúng người được nhận thanh toán giá trị tài sản trên đất, ông Nguyễn

Đình L không đồng ý thanh toán giá trị cánh cổng cho ông Vy Văn Q. Tại phiên toà phúc thẩm, do ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán giá trị 02 cánh cổng sắt và trụ cổng, mà để cùng nhau sử dụng; do đó người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Đình L đã rút nội dung kháng cáo này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[5] Xét kháng cáo của ông Vy Văn H, đề nghị cấp phúc thẩm làm rõ di sản thừa kế của cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M, phân chia lại di sản thừa kế, ông Vy Văn H không nhất trí nhận phần đất trong ngõ, hẻm; bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) đã được cụ Vy Văn Y và cụ Nguyễn Thị M chia đất khi còn sống, nhận thấy:

[5.1] Về di sản thừa kế: Xác định diện tích thực tế còn lại là 735,1m² của thửa đất số 93, tờ bản đồ 24 tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn); tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 02 tầng + 01 tum (hiện vợ chồng ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L đang sử dụng) là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại.

[5.2] Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Thị M có chồng thứ nhất là cụ Nguyễn Đình P (kết hôn năm 1946, cụ Nguyễn Đình P đã chết). Cụ Nguyễn Thị M và cụ Nguyễn Đình P có 02 con chung là ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M). Sau khi cụ Nguyễn Đình P chết, cụ Nguyễn Thị M kết hôn với cụ Hoàng Văn Đ (cụ Hoàng Văn Đ đã chết), cụ Nguyễn Thị M và cụ Hoàng Văn Đ có 02 con chung là ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H1. Chồng thứ ba của cụ Nguyễn Thị M là cụ Vy Văn Y (sống chung với cụ Nguyễn Thị M từ năm 1967, chết năm 1999, không có con chung). Cụ Nguyễn Thị M không có bố, mẹ nuôi hay con nuôi, con ngoài giá thú. Đối với 02 người con của cụ Vy Văn Y là ông Vi Quốc B và bà Vi Thị Y, xác định không sống chung, không có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng với cụ Nguyễn Thị M nên không được hưởng thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005. Các con đẻ của cụ Nguyễn Thị M gồm ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q và ông Vy Văn H1. Ông Vy Văn H1 đã chết năm 2006, ông Vy Văn H1 có 03 người con là Vy Văn H, Vy Văn H2 (đã chết trước ông Vy Văn H1, không có vợ con), Vy Văn H3 (đã chết năm 2012, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, con là Vy Thu H). Những người này đều không có ai bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản. Do đó, xác định những người được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Thị M gồm ông Nguyễn Đình L; bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M); ông Vy Văn Q; ông Vy Văn H và chị Vy Thu H (là những người thừa kế thế vị của ông Vy Văn H1 - đã chết). Tại bản khai ngày 04-9-2024 chị Vy Thu H có ý kiến, đối với phần di sản của ông Vy Văn H1 được hưởng, chị đề nghị được đồng sở hữu với ông Vy Văn H.

[5.3] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25-7-2024 xác định: Thửa đất số 93, tờ bản đồ 24 tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) có giá trị 20.632.500.000 đồng, ngôi nhà 02 tầng trên đất (Nhà 2: Cụ Nguyễn Thị M xây dựng từ năm 1991, nhà bê tông cốt thép, nhà 2 tầng, 1 tum; hiện ông Vy Văn Q,

bà Hoàng Thị L đang sử dụng) có giá 126.870.000 đồng; tổng giá trị di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại là 20.759.370.000 đồng.

[6] Các tài sản, vật kiến trúc trên đất khác là tài sản do các gia đình tự tạo lập, không thuộc di sản thừa kế. Tại cấp sơ thẩm, các đương sự nhất trí thống nhất xác định các công trình xây dựng là nhà ở, bếp, nhà vệ sinh, nhà nghỉ do ông Vy Văn H1, ông Nguyễn Đình L và ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng không thuộc di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài sản còn lại (mái tôn, bể nước ngầm): Tòa chia cho ai phần diện tích có các công trình, vật kiến trúc đó thì người đó được sở hữu công trình, vật kiến trúc và thanh toán giá trị bằng tiền cho ông Vy Văn Q. Riêng cổng đi lại bằng sắt, 2 cánh mở và 2 trụ cổng do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng, tại phiên toà phúc thẩm, ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán giá trị 02 cánh cổng sắt và trụ cổng này, mà để cùng nhau sử dụng chung.

[7] Đối với việc phân chia di sản thừa kế, nhận thấy: Di sản của cụ Nguyễn Thị M có tổng giá trị là 20.759.370.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản trên được phân chia thành 04 kỷ phần cho những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị M gồm ông Nguyễn Đình L; bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q; ông Vy Văn H, chị Vy Thu H; chia di sản thừa kế theo hiện trạng sử dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, bởi việc chia theo hiện trạng sử dụng bảo đảm phù hợp với thực tế quản lý, sử dụng đất đai của các đồng thừa kế, hiện nay các đồng thừa kế đều đã và đang sử dụng ổn định các phần đất, trên đó có nhà ở, công trình phụ.

[8] Thừa đất số 93 hiện trạng đang được những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị M sử dụng và 01 phần để trống, trong đó, ngôi nhà vợ chồng ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L đang sử dụng và 01 phần diện tích đất trống còn lại tiếp giáp đường L, thuận tiện về lối đi. Các phần diện tích phía trong gồm có nhà nghỉ T (do ông Vy Văn H1 xây dựng) và các phần công trình xây dựng do ông Nguyễn Đình L tạo dựng chưa có lối đi. Họ đều sử dụng lối đi từ đường L vào, đi qua phần đất trống còn lại của thửa 93. Do đó cần bố trí lối đi cho hai gia đình phía trong, lối đi phải đảm bảo về kích thước, phù hợp quy hoạch, đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng ổn định các phần diện tích đất phía trong. Cấp sơ thẩm đã bố trí lối đi cho các thừa kế ở diện tích đất phía trong là phù hợp và cần thiết nhằm bảo đảm quyền sử dụng hợp pháp của các đồng thừa kế.

[9] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính phần diện tích lối đi chung vào phần kỷ phần được chia và buộc hai hộ gia đình phía trong phải thanh toán giá trị chênh lệch cho phần đất làm lối đi chung là chưa hợp lý, chưa bảo đảm nguyên tắc công bằng giữa các đồng thừa kế. Bởi lẽ, hai hộ phía ngoài đã có lối đi trực tiếp ra đường giao thông, không bị hạn chế quyền tiếp cận. Việc mở lối đi cho các hộ phía trong là nhu cầu thiết yếu để bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng phần đất được chia. Do đó, phần đất được trích để làm lối đi phải được xem là phần đất sử dụng chung, cần được trừ khỏi tổng diện tích di sản trước khi tiến hành chia đều cho các đồng thừa kế. Việc cấp sơ thẩm vẫn tính phần diện

tích đất làm lối đi vào phần đất của hai hộ phía ngoài và buộc hai hộ phía trong bồi thường giá trị là không bảo đảm sự công bằng trong phân chia di sản, chưa phù hợp với thực tế khách quan và quy định tại khoản 3 Điều 254 của Bộ luật Dân sự 2015 (*Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù*). Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần sửa bản án sơ thẩm về phần chia di sản thừa kế, trừ diện tích làm lối đi chung ra khỏi tổng diện tích di sản, sau đó chia phần còn lại đều cho các đồng thừa kế, đồng thời xác lập quyền sử dụng lối đi chung đối với phần đất này để bảo đảm quyền sử dụng hợp pháp cho các bên. Phần diện tích được sử dụng làm lối đi chung, mang tính chất phục vụ toàn bộ các đồng thừa kế, đặc biệt là hai phần đất phía trong, do vậy không tính vào phần diện tích được chia cho các thừa kế, cũng không được xác định là tài sản riêng của bất kỳ người nào để làm căn cứ thanh toán giá trị chênh lệch.

[10] Đối với nội dung kháng cáo của ông Vy Văn H về việc cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông Vy Văn H, tuy nhiên thấy rằng cấp sơ thẩm đã tiến hành đủ các thủ tục lấy lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Vy Văn H, do đó việc vắng mặt ông Vy Văn H tại phiên tòa sơ thẩm không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án.

[11] Từ những nhận định trên nhận thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn H, tuy nhiên cần sửa Bản án sơ thẩm, phân chia lại di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M như sau:

[12] Di sản của cụ Nguyễn Thị M là 735,1m² đất và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum, có tổng giá trị là 20.759.370.000 đồng.

[13] Phần đất dành để làm lối đi chung có diện tích 96,9m², vị trí đỉnh thừa P1, A3, M2, M1, P5, P3, N4, P2, P6, N3; trong đó có 91,6m² thuộc vị trí 1 có giá trị là 91,6m² x 35.000.000đồng = 3.206.000.000đồng và 5,3m² thuộc vị trí 2 có giá trị là 5,3m² x 21.000.000đồng = 111.300.000đồng. Tổng giá trị đường đi chung là 3.317.300.000đồng. Trên đất đường đi chung có 01 cây trắc bách diệp, các đương sự đều xác định cây này không thuộc di sản thừa kế; 01 trụ cổng, 02 cánh cổng sắt do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng nhưng không yêu cầu bồi thường mà để sử dụng chung.

[14] Sau khi trừ đi giá trị phần đường đi chung, tổng giá trị di sản cụ Nguyễn Thị M để lại là 17.442.070.000đồng. Di sản thừa kế được phân chia thành 04 kỷ phần cho những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị M gồm ông Nguyễn Đình L; bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q; ông Vy Văn H, chị Vy Thu H, tương ứng mỗi kỷ phần được hưởng 4.360.517.500đồng.

[15] Ông Vy Văn Q được quản lý, sử dụng diện tích 145,6m², vị trí đỉnh thừa A1, A2, M1, M2, A3, P1, A4 và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (bao gồm cả phần cầu thang, mái tôn) nằm trên phần diện tích trên. Tổng giá trị di sản ông Vy Văn Q được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu là: 5.222.870.000 đồng.

[16] Ông Nguyễn Đình L được quyền quản lý, sử dụng 237,1m², vị trí đỉnh thửa A4, P1, N3, P6, P7, B14, B9, B10, B13, B11, B12, B15, N1; trong đó có 211,9m² đất thuộc vị trí 02 và 25,2m² đất thuộc vị trí 1, có tổng giá trị là 5.331.900.000 đồng.

[17] Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H đồng quản lý, sử dụng diện tích đất 160,7m², vị trí đỉnh thửa P6, P2, N4, P3, P4, N2, B16, B17, B6, B7, B8, P7; trong đó có 146,8m² thuộc vị trí 2 và 13,9m² thuộc vị trí 1, có tổng giá trị là 3.569.300.000 đồng.

[18] Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được quản lý, sử dụng 94,8m², vị trí đỉnh thửa P3, P5, P18, B20, P4 có giá trị 3.318.000.000 đồng; Được sở hữu 01 bể nước ngầm đã hết khấu hao; 01 nhà để xe lợp mái tôn do ông Vy Văn Q xây dựng, diện tích 35,6m², giá trị 1.566.000 đồng; 01 mái lợp tôn (chỗ bể nước ngầm), diện tích 17,4m², giá trị 766.000 đồng.

[19] Việc bù trừ chênh lệch giá trị: Giá trị di sản mỗi kỹ phần được hưởng là 4.360.517.500đồng. Do chia bằng hiện vật, theo hiện trạng, phần ông Vy Văn Q, ông Nguyễn Đình L được hưởng thực tế đều lớn hơn giá trị kỹ phần mà họ được hưởng. Phần bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn H và chị Vy Thu H được hưởng có giá trị nhỏ hơn giá trị kỹ phần mà họ được hưởng. Do đó ông Vy Văn Q và ông Nguyễn Đình L có nghĩa vụ bù trừ chênh lệch giá trị bằng tiền cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn H và chị Vy Thu H, cụ thể:

[19.1] Ông Nguyễn Đình L phải bù cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 971.382.500đồng.

[19.2] Ông Vy Văn Q phải bù cho ông Vy Văn H và chị Vy Thu H 791.217.500đồng và bù cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 71.135.000 đồng.

[20] Đối với giá trị các tài sản khác trên đất, bể ngầm, 02 mái tôn đều thuộc phần diện tích bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) nhất trí thanh toán giá trị tài sản trên cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L. Tổng tiền bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) thanh toán cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L là 2.332.000 đồng.

[21] Về án phí sơ thẩm:

[21.1] Án phí sơ thẩm: Đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án, do yêu cầu khởi kiện của ông Ong Thế Đ được chấp nhận nên ông Ong Thế Đ không phải chịu án phí. Ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí, tương ứng mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Ông Vy Văn Q là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của người phải thi hành án.

[21.2] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế, những người được hưởng di sản có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mà họ được hưởng, tương ứng

số tiền án phí mỗi kỳ phân phải chịu là 112.360.000 đồng (làm tròn). Ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q và bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí đối với giá trị di sản họ được hưởng.

[22] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Vy Văn H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000652 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 Lạng Sơn).

[23] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vy Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Đình L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn), cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 5, 14 Điều 26; khoản 2 Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 147, Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014;

Căn cứ các Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 166, 167, 170, 179 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5, 6 Điều 23, các Điều 26, 27, 31, 45, 133 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Điều 631, 634, 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 254, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Đình L về việc xác định lại tài sản cánh cổng sắt để xác định đúng người được nhận thanh toán giá trị tài sản trên đất và không đồng ý thanh toán giá trị cánh cổng cho ông Vy Văn Q.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ong Thế Đ về việc "Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án"; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L về việc chia di sản thừa kế, cụ thể:

I. Chia di sản thừa kế:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M gồm 735,1m² đất thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 24 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn) và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (cả cầu thang, mái tôn), diện tích 90,8m² (hiện vợ chồng ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L đang quản lý, sử dụng), địa chỉ nhà, đất tại Đường Lê Đại H, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn). Diện tích đất là di sản thừa kế có định thừa như sau: A1, A2, M1, B18, B20, P4, N2, B16, B17, B6, B7, B8, P7, B14, B9, B10, B13, B12, B15, N1, A4. Vị trí tiếp giáp:

Phía Đông giáp đường L.

Phía Tây giáp đất của ông Lương Mạnh T thuộc thửa 90, tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn).

Phía Nam giáp đất của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP H Việt Nam thuộc thửa 288, tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn).

Phía Bắc giáp đất bà Đoàn Bạch N (thửa 154), đất của ông Vũ Tiến P (thửa 91), đất của ông Nguyễn Các Đ- bà Trình Thị H (thửa 186), đều thuộc tờ bản đồ 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn).

2. Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị M gồm: Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H (là người thừa kế thế vị của ông Vy Văn H1), ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), ông Vy Văn Q.

3. Xác định phần diện tích thuộc di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M nêu tại mục (1) gồm 96,9m² có vị trí định thừa P1, A3, M2, M1, P5, P3, N4, P2, P6, N3 là phần lõi đi chung của các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị M nêu tại mục (2); các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị M được quyền sử dụng tài sản trên lõi đi chung gồm có 02 cánh cổng sắt và 01 trụ cổng mà không phải đền bù.

4. Tổng giá trị di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị M để lại sau khi trừ đi phần lõi đi chung tại mục (3) là 17.442.070.000đồng (mười bảy tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

5. Xác định giá trị kỷ phần thừa kế mỗi đồng thừa kế được hưởng là 4.360.517.500đồng.

6. Phân chia di sản thừa kế và quyền sở hữu tài sản:

6.1. Ông Vy Văn Q được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu 145,6m² đất, (thửa tạm 93.1), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố

L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), vị trí đỉnh thửa A1, A2, M1, M2, A3, P1, A4 và ngôi nhà 02 tầng, 01 tum (kèm cầu thang, mái tôn) nằm trên thửa tạm 93.1.

Tổng giá trị di sản ông Vy Văn Q được hưởng là: 5.222.870.000 đồng (năm tỷ hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng.

6.2. Ông Nguyễn Đình L được quyền quản lý, sử dụng 237,1m² đất (thửa tạm 93.2), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), vị trí đỉnh thửa A4, P1, N3, P6, P7, B14, B9, B10, B13, B11, B12, B15, N1.

Tổng giá trị di sản ông Nguyễn Đình L được hưởng là: 5.331.900.000 đồng.

6.3. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được quản lý, sử dụng 94,8m² đất (thửa tạm 93.4), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), vị trí đỉnh thửa P3, P5, B18, B20, P4.

Giá trị di sản bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng là 3.318.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M được sở hữu phần lợp mái tôn có diện tích 35,6m² (vị trí sát đường L), trị giá 1.566.000 (một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng và mái tôn có diện tích 17,4m² (khu vực bể nước ngầm), trị giá 766.000 (bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; 01 bể nước ngầm, thể tích 21,5m³ (đã hết khấu hao). Các tài sản này do ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L xây dựng.

6.4. Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H đồng quản lý, sử dụng 160,7m² đất (thửa tạm 93.3), thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), vị trí đỉnh thửa P6, P2, N4, P3, P4, N2, B16, B17, B6, B7, B8, P7.

Tổng giá trị di sản ông Vy Văn H và chị Vy Thu H được hưởng là: 3.569.300.000 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được phân chia theo quy định của pháp luật đất đai.

(Có phụ lục trích đo ngày 28/7/2025 kèm theo Bản án)

7. Về việc thanh toán chênh lệch giá trị di sản và thanh toán giá trị tài sản trên đất

7.1. Ông Vy Văn Q phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 71.135.000 đồng chênh lệch giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng.

7.2. Ông Vy Văn Q phải thanh toán cho ông Vy Văn H và chị Vy Thu H 791.217.500 đồng chênh lệch giá trị di sản mà ông Vy Văn H và chị Vy Thu H

được hưởng (ông Vy Văn H và chị Vy Thu H mỗi người được hưởng là 395.608.750 đồng).

7.3. Ông Nguyễn Đình L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) 971.382.500 đồng chênh lệch giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được hưởng.

7.4. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) phải thanh toán cho ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L 2.332.000đồng (hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) giá trị 02 phần mái tôn diện tích 35,6m² (sát đường L) và 17,4m² (khu vực bể nước ngầm).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

II. Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L để thi hành án

Ông Vy Văn Q có quyền sở hữu, sử dụng (được hưởng) tài sản là di sản do cụ Nguyễn Thị M để lại, được phân chia cụ thể tại mục 6.1, 7.1 và 7.2 phần Quyết định của Bản án.

Ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L có quyền sở hữu 01 nhà bếp, sát đường L, diện tích 31,5m²; 2.332.000 (hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng giá trị 02 phần mái tôn mà bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) có nghĩa vụ thanh toán;

(Chi tiết tài sản ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L được sở hữu, sử dụng theo Phụ lục trích đo và tại các mục 6.1 và mục 7 phần Quyết định của Bản án).

III. Về án phí

1. Án phí sơ thẩm

Ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q, bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị L phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Ông Vy Văn H và chị Vy Thu H phải liên đới chịu 112.360.000đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, tương ứng mỗi người phải chịu 56.180.000đồng (năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Án phí phúc thẩm

Ông Nguyễn Đình L, ông Vy Văn Q, ông Vy Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Vy Văn H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000652 ngày 15/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 Lạng Sơn).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm 1 TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1 VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 1 Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 1 Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phùng Đức Chính